

# Vui Ca Xang

Phạm Xuân Đài

*Tác giả xin cảm ơn Giáo sư Trần Huy Bích đã giúp nhiều tài liệu cần thiết cho bài viết này...*

Gần đây tôi có dịp xem video của Thúy Nga Paris trình diễn ba bài Hòn Vọng Phu 1, 2 và 3 của Lê Thương. Sự dàn dựng cảnh trí, các màn phụ diễn đều công phu, tạo nên một không khí chinh chiến ngày xưa, và nhất là giọng hát của các ca sĩ đều hay, diễn tả thành công chủ đề mà mình trình diễn. **Tiểu thay trong bài Hòn Vọng Phu 1, lời hát có sai một chữ**, nhưng chữ đó lại rất quan trọng, làm biến đổi cả không khí của bài hát mà nhạc sĩ Lê Thương đã cố công dựng nên khi sáng tác Hòn Vọng Phu. Đó là câu nguyên văn của tác giả :

*Vui ca **xang** rồi đi tiến binh ngoài ngàn*  
đã được ca sĩ Thế Sơn hát là :

*Vui ca **xong** rồi đi tiến binh ngoài ngàn*  
Thật là một sai lầm đáng tiếc.



Chúng ta đều biết Lê Thương thuộc vào hàng nhạc sĩ kỳ cựu của nền tân nhạc Việt Nam, đã bắt đầu sáng tác từ những năm cuối của thập niên 1930 những ca khúc như Bản Đàn Xuân, Thu Trên Đảo Kinh Châu..., và từ đó tiếp tục sáng tác và để lại cho đời một di sản âm nhạc to lớn sau khi ông từ trần năm 1996 tại Sài Gòn, thọ 82 tuổi.

Riêng liên khúc Hòn Vọng Phu 1, 2 và 3 sáng tác trong thập niên 1940 là một tác phẩm rất quan trọng của ông, chất chứa mệnh mang âm hưởng và tình cảm dân tộc, được xem như một trường ca đầu tiên của Việt Nam. Có thể nói không ngoa rằng nhạc điệu lẫn lời ca của liên khúc Hòn Vọng Phu đã thấm nhuần trong tình cảm người Việt Nam một cách rộng rãi và sâu xa nhất, có lẽ trong lịch sử của nền tân nhạc chưa dài lắm của đất nước chúng ta chưa có tác phẩm nào đạt được vị trí ấy.

Được xem là “trường ca” trong nền âm nhạc Việt Nam cho tới ngày nay không nhiều. Xưa nhất là Hòn Vọng Phu gồm ba bài trong dạng chuyện kể, mà bài Hòn Vọng Phu 1 đã được sáng tác năm 1943, các bài 2 và 3 cũng được hoàn tất sau đó mấy năm trong thập niên 1940. Tiếp theo là bài Trường Ca Sông Lô của Văn Cao sáng tác năm 1947, ca ngợi một chiến công trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Khoảng giữa thập niên 1950 xuất hiện một trường ca cũng trong dạng ba ca khúc nối tiếp nhau, đó là **Hội Trùng Dương của Phạm Đình Chương**, viết về ba con sông Hồng, sông Hương và sông Cửu Long như là hình tượng thống nhất của nước Việt Nam. Rồi mãi đến đầu thập niên 1960 trường ca Con Đường Cái Quan, và giữa thập niên 1960, trường ca Mẹ Việt Nam của Phạm Duy mới ra đời.



Đó là những trường ca đúng nghĩa, có giá trị nghệ thuật cao, đứng vững với thời gian cho đến nay. Nhưng nếu có ai đặt câu hỏi : trong các bài trường ca ấy, bài nào được người dân hát nhiều nhất, nhớ nhiều nhất, phổ biến trong dân chúng rộng rãi nhất, thì câu trả lời sẽ là: Hòn Vọng Phu, trong đó Hòn Vọng Phu 1 thấm nhuần trong dân chúng sâu đậm nhất.

## **Vì sao nhạc sĩ Lê Thương đặt tên tác phẩm của mình là Hòn Vọng Phu?**

Vì ở tỉnh Lạng Sơn giáp giới với nước Tàu có một quả núi trên đó sừng sững một hòn đá lớn có hình thù trông giống như một người đàn bà đang ôm đứa con, đứng nhìn ra phía xa như đang mong đợi một ai đó. Dân gian Việt Nam đặt tên bức tượng do thiên nhiên tạo ra ấy là Hòn Vọng Phu, tức là hòn đá có hình người đàn bà ôm con trông chờ chồng về. Có lẽ cảm xúc vì lối đặt tên đó của dân gian hàm ý lịch sử đất nước chúng ta có nhiều chinh chiến – với người Trung Hoa phía Bắc suốt một chiều dài của lịch sử lúc nào cũng

muốn chiếm nước ta để sáp nhập vào nước Tàu. Cái tâm thức “chờ chồng về” từ chiến trận của người phụ nữ Việt Nam có lẽ vẫn tiềm tàng trong tâm hồn dân tộc như một đặc tính do hoàn cảnh lịch sử mang lại, khiến cho khi thấy một hòn đá trên núi giống hình người mẹ ôm con thì dân chúng đặt ngay tên là Hòn Vọng Phu – Hòn Chờ Chồng. Đó là một cách nhìn thiên nhiên mà cảm ứng với tâm trạng dài đằng dặc của dân một xứ nhiều giặc giã, thật là ý nghĩa và cảm động.

Nhạc sĩ Lê Thương, một nhạc sĩ thuộc thế hệ theo tân nhạc đầu tiên của Việt Nam, chỉ nhìn hòn đá đó mà hòa nhập với một cảm thức rộng lớn của dân tộc qua suốt một lịch sử lâu dài: lịch sử của các cuộc chiến không ngừng để giữ nước, mà hòn đá chờ chồng là một tiêu biểu đầy cảm động trên một mặt khác của chiến tranh. Ông đã sáng tác ba bài Hòn Vọng Phu để nói về hào khí của cuộc xuất quân, về nỗi nhớ mong của người vợ có chồng đi chinh chiến, cho đến ngày về của người chinh phu. Điểm đặc sắc của ba hòn vọng phu là đều mang đầy âm hưởng cổ kính của dân tộc, về nhạc cũng như về lời. Trải qua nhiều năm tháng, trải qua nhiều thế hệ, trường ca Hòn Vọng Phu vẫn được trình diễn và được thưởng ngoạn như một tác phẩm hàng đầu của dân tộc.

Đến đây người viết xin phép được mở một dấu ngoặc để lạm bàn về một cách diễn đạt khác về người chờ chồng Tô Thị. Ngoài Lê Thương, hình tượng vọng phu còn được nhạc sĩ Phạm Duy nhắc đến trong trường ca Con Đường Cái Quan của ông. Không khác Lê Thương, Phạm Duy cũng cảm nhận cái truyền thuyết vọng phu bàng bạc trong đời sống tinh thần và tình cảm của dân tộc Việt Nam, và nhìn nó gần như là một tín ngưỡng trong tâm thức của dân gian: thờ phượng sự sắt son chờ đợi và sự hóa đá của người đàn bà chờ chồng. Trong hành trình từ Bắc vào Nam, ngay đoạn đầu người lữ khách Phạm Duy đã hát:

*Đông Đẳng có phố Kỳ Lừa  
Có nàng Tô Thị đứng chờ đợi ai  
Và khuyên người chẳng tái hồi  
Cho ngàn năm được sống đời... vọng phu!*



Phạm Duy đã biến sự chờ đợi gần như một tín ngưỡng, người đứng chờ mong cho người mình thương yêu đừng về, để cho nàng... hóa đá thì nàng mới có thể đứng mãi ngàn năm mà chờ. Đúng là Phạm Duy đã nâng sự chờ đợi thành một thách đố của lòng kiên gan, như một phép tu để cô kết thể xác và tinh thần biến thành một trạng thái cứng rắn vĩnh viễn: hóa đá. Đá như một kết quả tu chứng của đạo... chờ chồng! (xin đóng ngoặc).

Quay lại với Hòn Vọng Phu của Lê Thương, chúng ta có bổn phận phải gìn giữ sự nguyên vẹn của tác phẩm này như một viên ngọc quý, **đừng để thời gian và sự thiếu ý thức gây nên những vết trầy xước đáng tiếc**. Bài viết này hôm nay xin đề cập đến một chữ trong bài Hòn Vọng Phu 1 có khi bị hát sai, đó là chữ ca xang trong câu Vui ca xang rồi đi tiến binh ngoài ngàn. Trước khi đi vào việc phân tích và tìm hiểu chữ, nghĩa, chúng tôi mời độc giả xem kỹ lời bài Hòn Vọng Phu 1 trong bản nhạc xuất bản năm 1955, do chính tác giả Lê Thương giữ bản quyền.

Câu “Vui ca xang rồi đi tiến binh ngoài ngàn” đã được in trong bản này. Các bản Hòn Vọng Phu 1 khác được tái bản ở miền Nam trước 1975 cũng đều giống như bản này, về nhạc cũng như về lời. Vậy chúng ta có thể xem đây là bản gốc, in lần thứ nhất, do chính tác giả chủ trương xuất bản và giữ bản quyền.

Khảo sát một số mục trình diễn Hòn Vọng Phu 1 trong thời gian trước 1975 cho đến nay, chúng tôi ghi nhận **hầu hết hát đúng hai chữ “ca xang”**: Tiếng hát Thái Thanh trước 1975; ban hợp xướng Ngàn Khơi tại California; đĩa nhạc của Asia với Hoàng Oanh, Thanh Lan, Duy Quang; Album Tuyển chọn Duy Khánh; ca sĩ Đức Tuấn (trong nước); một ca đoàn của người Pháp trình diễn tại Pháp v...v...

Một vài nơi hát “ca xong” như Thúy Nga Paris, hoặc “ca vang” như tôi có bắt gặp đâu đó, nhưng tương đối hiếm hoi.

Chúng tôi nghĩ sở dĩ có trường hợp hát sai đáng tiếc như thế là **do người hát không hiểu nghĩa chữ “ca xang” là gì**, cho là do bản nhạc in sai, và mình có nhiệm vụ tìm chữ đúng để hát. Từ “ca xang” đổi sang “ca



xong”, được lắm, dễ hiểu hơn nhiều, nhất là nó có thể gợi ý có một “party” ca nhạc với nhiều ca nhi để tiễn vị tướng lên đường, và khi phần ca nhạc vừa chấm dứt (ca xong) là cuộc xuất quân bắt đầu...

Hoặc **đổi thành “ca vang”**, một cách nói rất quen thuộc để tả tiếng hát to một cách mạnh mẽ. Chứ xang là cái gì nghe lạ hoắc, hát lên nghe cũng chướng tai, ngứa miệng!

*Handwritten:* Nhạc 23/12/85

# HÒN VỌNG PHU

(PHẢN THỬ NHẤT)

Nhạc và Lời: LÊ THUONG

Nhịp đi

Nhạc mở đầu...

1 - Lính ra  
2 - Ngựa đi

hành quân trông lên đèo - Quan với quân lên đường -  
ngồi xa lộ vắng trời - Chàng trông khua trên lộ -

Đèo ngựa xa cuối cùng - Vừa đèo heo mệ sông -  
Ngựa ngựa trên đồi đồi - Rồi vang xa khắp nơi -

Phía - cách quan xa - trường - Quan với quân lên  
Phía - cách quan xa - vắng - Chàng trông khua trên

đường - Hàng cờ heo rừng đèo - Ngựa trên non cuối  
lộ - Ngựa ngựa trên đồi đồi - Rồi đi vang khắp

Copyright 1955 by  
LÊ THUONG  
All Rights Reserved

Tác giả  
GIỮ BẢN QUYỀN

DIỆU KÈN

hân - Phần - phò - ngấm - ngấm - lay - (Xang xang  
nơi - Thâm - lao - nếm - chia - phôi -

xang xa lộ xa sang, xa lộ xa sang lên á lên á (h) -

CA KHÚC

Đèo Thôn - Sơn khê ai nếm rượu vào - Vai ca  
Vai xa đi rồi không sức lại ngày về - Ai quên

xang rồi đi tiểu bình ngoài ngấm - Người đi ngoài xa  
khô gan đá bao ngoài ché - Nhìn chân trời xanh

lý quan sau - Người đứng chờ trong bóng cờ - đèo -  
biết bao lạ - Người mang chờ vãn nhò nơi xa -

Bên Mạn - Khá cho tung giá lợi mít - măng - Bên Tiêu -  
Đèo sườn núi bằng con đèo đẹp chông vè - Đèo nhào

Tương còn thương tiếc nơi ngấm rừng - Người không rời khỏi  
phần thời - giữa núi phải lời thề - Người tung - hơ hơ bư

kiếp gian - sau - Người biến hình trong đá lưu con -  
sử xa - sấm - Người mang chông cho đèo muôn năm -

D. C.

IN LẦN THỨ NHẤT

A. P. 12-4

Nhưng thiết nghĩ **thái độ chung của người trình diễn là phải tôn trọng nguyên tác của tác giả**, nếu có gì không hiểu thì nên tìm hiểu chứ không nên tự đặt lời khác để hát theo ý mình. Đây là một tệ nạn cần phải tránh, nhất là đối với những tác phẩm đã thành cổ điển.

**Riêng đối với những ai hiểu chữ “ca xang” thì thấy câu hát ấy thật hay, vì vang lên một âm hưởng rất cổ kính, giữa khung cảnh xuất quân của một võ tướng ngày xưa.**

**Vậy “ca xang” là gì?**

Chúng ta cùng đi tìm chữ ấy trong sách vở cũ.

Từ “xang” có trong tiếng Việt từ rất lâu, và được ghi trong tất cả những tự điển tiếng Việt có danh tiếng từ thế kỷ 17 tới nay:

1) Tự điển Việt-Bồ-La (Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum) của Alexandre de Rhodes (1651):

Xang: agitate corpus ambulando (vừa đi vừa lắc thân thể)

2) Tự điển Việt-Latin (Dictionarium Anamitico-Latinum) của GM. Taberd (1838):

Xang: manum altè extollere (nâng tay lên cao)

3) Đại Nam Quốc Âm Tự Vị của Huỳnh Tịnh Của (1895-96):

Xang: giang tay, đưa tay lên, múa men

4) Tự điển Việt-Pháp (Dictionnaire annamite-français) của Jean Bonet (1900):

Xang: lever les bras, gesticuler, jouer, danser (nâng tay lên cao, làm cử chỉ, chơi đùa, nhảy múa)

5) Việt Nam Tự Điển của Hội Khai Trí Tiến Đức (1931):

Xang: giang tay, giơ tay lên

6) Việt Nam Tự Điển của Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ (1970-71):

Xang: giang tay, múa men

7) Tự Điển Tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Học (Hoàng Phê chủ biên, 2003):

Xang: đưa qua đưa lại (“chân xang qua xang lại”)

Tuy có một số tiểu tiết khác biệt nhỏ qua các thời, từ “xang” cho ta một ý niệm động: **nâng tay lên cao, giang tay, múa men.**

Một điều ai cũng nhận thấy là khi sáng tác Hòn Vọng Phu 1, Lê Thương đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của tác phẩm Chinh Phụ Ngâm, nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn, do Đoàn Thị Điểm dịch sang thơ Việt. Riêng câu hát “Vui ca xang rồi đi tiến binh ngoài ngàn” cũng có thể tìm thấy dấu vết từ Đặng Trần Côn và Đoàn Thị Điểm qua Chinh Phụ Ngâm.

Nguyên câu chữ Hán trong Chinh Phụ Ngâm :

*Tịch ly bôi hề, vũ Long tuyền*

(Quăng chén rượu tiễn, múa kiếm Long tuyền)

Câu ấy được dịch là:

*Múa gươm rượu tiễn chưa tàn*

Cuối buổi tiệc tiễn hành, người tráng sĩ ra đi ném chén rượu, cầm gươm lên múa. Những hình ảnh “**quăng chén rượu tiễn, múa gươm**” đã thành những hình ảnh ước lệ để diễn tả sự hăng hái của kẻ ra đi. Vào thế kỷ 19, Tôn Thọ Tường, một viên quan văn, nhưng khi được chọn sang Pháp dù chỉ để làm nhiệm vụ thông dịch, cũng hăng hái viết:

*Múa gươm, quăng chén, cất mình đi*

*Bịn rịn đầu mào thối nữ nhi.*

Sau câu:

*Qua Thiên San kìa ai tiễn rượu vừa tàn*

Lê Thương cho biết người chinh phu đã “**vui ca xang**” trước khi “tiến binh ngoài ngàn.” Ông muốn nói chàng đã ca hát và múa (có thể là múa gươm, có thể chỉ là múa chân tay không). Đó là những **hình ảnh đã thành ước lệ để chỉ sự hăng hái của kẻ ra đi.**

**Nếu đổi “vui ca xang” thành “vui ca vang” hay “vui ca xong,” chúng ta sẽ vô tình làm mất đi cái hình ảnh hào hùng đã thành ước lệ ấy.**

Đến đây thiết tưởng chúng tôi cũng đã tạm làm xong công việc bênh vực cho một chữ bị hát sai. Một góp ý rất nhỏ, nhưng mong rằng cũng góp phần để giữ gìn sự nguyên vẹn cho một tác phẩm giá trị của văn hóa Việt Nam.

Little Saigon, ngày 29 tháng 12 năm 2021

Phạm Xuân Đài